

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 19/01/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 01/2021, ngày 01/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 26/02/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án số 03/2021/TB- TA, ngày 03/03/2021 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Ng, sinh năm 1972; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1975; (Vắng mặt lần hai)

Đều ở địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Trịnh Thị Ng trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh C thường xuyên cờ bạc và có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên khởi kiện xin ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Chị và anh C có ba con chung là Nguyễn Hải Yến L, sinh ngày 06/9/2001, Nguyễn Hiền A, sinh ngày 25/12/2002 và Nguyễn Thế T, sinh ngày 02/3/2014. Sau khi ly hôn, do con chung là Nguyễn Hải Yến L, Nguyễn Hiền A đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết và chị đề nghị giao con chung là Nguyễn Thế T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh Nguyễn Thế C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (trưởng thành).

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Nguyễn Thế C: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh C đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã Vĩnh Hòa cung cấp: Chị Ng và anh C kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 11/11/2000, quá trình chung sống chị Ng và anh C xảy ra mâu thuẫn từ khoảng hơn chục năm trở lại đây, sau khi chị Ng sinh con thứ ba thì cũng có cải thiện tuy nhiên hai bên vẫn không thể hòa hợp, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, ngoài ra anh C còn thường xuyên chơi bời cờ bạc. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ lâu. Nay chị Ng khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho chị Ng, anh C ly hôn do hai bên đã ly thân từ lâu. Vợ chồng chị Ng, anh C có ba con chung, con chung Nguyễn Hải Yến L, Nguyễn Hiền A đã trưởng thành, có công việc ổn định, con chung Nguyễn Thế T đang độ tuổi ăn học nên đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị Ng nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành vì chị Ng là giáo viên có thời gian và có thu nhập ổn định, còn anh C làm đại lý cáng tại khu vực C-V- N thường xuyên không có mặt ở nhà.

Tại phiên tòa: Chị Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C; giao con chung là Nguyễn Thế T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Ng. Xử cho chị Trịnh Thị Ng ly hôn anh Nguyễn Thế C; giao con chung là Nguyễn Thế T, sinh ngày 02/3/2014 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng về việc không yêu cầu anh Nguyễn Thế C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh C đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị Ng đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn – anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị Ng và anh Nguyễn Thế C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã V, huyện Nơi sinh sống của anh C tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị Ng và anh C là hợp pháp.

[3] Chị Ng khởi kiện xin ly hôn, anh C biết rõ việc chị Ng khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh C không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng song tại lời khai của chị Ng, biên bản xác minh ngày 01/12/2020 đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn, anh C có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, thường xuyên chơi bời cờ bạc. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chính anh C là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị Ng. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Ng ly hôn anh C.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị Ng và anh C ba con chung là Nguyễn Hải Yến L, sinh ngày 06/9/2001, Nguyễn Hiền A, sinh ngày 25/12/2002 và Nguyễn Thế T, sinh ngày 02/3/2014. Sau khi ly hôn, do con chung là Nguyễn Hải Yến L, Nguyễn Hiền A đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết và chị đề nghị giao con chung là Nguyễn Thế T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Thế C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; HĐXX thấy rằng, tại biên bản xác minh ngày 01/12/2020 chính quyền địa phương xã V, huyện N có quan điểm đề nghị giao con chung là cháu T cho chị Ng nuôi dưỡng vì cháu đang học tại trường tiểu học Đông Xuyên gần nơi công tác của chị Ng (Trường THCS Đông Xuyên) và chị Ng là giáo viên có thu nhập và thời gian chăm sóc, giáo dục cháu T tốt hơn anh C. Mặt khác, cháu T có nguyện vọng muốn được ở với chị Ng; Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX giao con chung Nguyễn Thế T cho chị Chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của chị Ng về việc không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản chung*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Trịnh Thị Ng khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trịnh Thị Ng ly hôn anh Nguyễn Thế C.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Trịnh Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thế T, sinh ngày 02/3/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành); Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị Ng về việc không yêu cầu anh Nguyễn Thế C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Thế C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009356, ngày 22 tháng 10 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trịnh Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 17/3/2021; anh Nguyễn Thế C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã V, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long

